TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/DS-ST
Ngày: 30/7/2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Thanh Bình**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông **Võ Hồng Vinh.**

Ông **Hồ Xuân Bình.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Khắc Huy** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST–DS ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S.**

Trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T. Chức vụ: Giám đốc ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Gò Công Đông theo giấy ủy quyền số 4087/2019/QUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng Giám đốc ngân hàng Sài Gòn Thương Tín về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Địa chỉ: số 999, tổ 6, Khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn: **Trần Anh T**, sinh năm 1975;

Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Trí, anh Tuấn có mặt; chị Vân vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Ngày 28/3/2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và vợ chồng anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị Thu V có ký hợp đồng tín dụng số LD1708700495, theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng anh T, chị V vay số tiền 105.000.000đồng, cụ thể như sau: Ngày vay 30/3/2017, thời hạn vay 05 năm, phương thức trả nợ, trả vốn, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, ngày trả nợ cuối cùng là 30/3/2022, lãi suất cho vay là 12%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay: bổ sung vốn dịch vụ cầm đồ.

Tài sản đảm bảo: Thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, diện tích 203,4m^2, đất trồng cây lâu năm:103,4 m^2, đất ở tại nông thôn: 100m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05665 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho anh T đứng tên, đất tại ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1708700495 ngày 29/3/2017.

Trong quá trình vay vốn, anh T, chị V đã thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn và lãi đến kỳ ngày 20/8/2019, kể từ đó đến nay, anh chị không thanh toán thêm khoản tiền nào khác mặc dù nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở tạo điều cho anh chị trả nợ nhưng không thực hiện. Như vậy, đến ngày 21/4/2020, anh Tuấn, chị Vân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 55.950.000đồng, tiền lãi 22.712.865 đồng, lãi phạt là 145.975 đồng.

Ngày 25/5/2020, anh T, chị V có trả cho Ngân hàng thêm 3.000.000đồng tiền vốn, không có trả lãi.

Tính đến nay, anh T, chị V còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 46.050.000đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 5.419.391 đồng, tiền lãi quá hạn là 933.692 đồng, tiền lãi chậm trả là 281.196 đồng, tổng cộng là 52.684.279đồng (tạm tính đến ngày 15/7/2020).

Nay Ngân hàng yêu cầu anh T, chị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 52.684.279 đồng, yêu cầu thanh toán làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu anh T, chị V trả lãi phát sinh theo hợp đồng và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán nợ xong.

Nếu anh T, chị V không thực hiện trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để cho Ngân hàng để trả nợ.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T, chị V trình bày:

Anh T, chị thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng. Anh chị thừa nhận có vay của ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hợp đồng tín dụng số LD1708700495, anh chị vay số tiền 105.000.000đồng.

Hiện nay anh T, chị V chị còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 52.684.279 đồng, anh T, chị V cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh T xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 2.600.000đồng, trả cho đến khi trả hết nợ, chị V xin Ngân hàng gia hạn nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng anh T tự nguyện cho anh T, chị V trả số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020 là 53.297.001đồng, thời gian trả vào ngày 30/10/2020. Anh T vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng Điều 463, Điều 323 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Gò Công Đông. Anh T, chị V chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Vân.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S và anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị Thu V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét, giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng, thấy rằng: Ngân hàng TMCP S và anh T, chị V có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1708700495 ngày 28/3/2017. Theo đó, Ngân hàng TMCP S cho anh T, chị V vay vốn với số tiền: 105.000.000đồng, đến ngày 21/4/2020, anh T, chị V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 55.950.000đồng, tiền lãi 22.712.865 đồng, lãi phạt là 145.975 đồng. Ngày 25/5/2020, anh T, chị V có trả cho Ngân hàng thêm 3.000.000đồng tiền vốn, không có trả lãi. Hiện anh T, chị V còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 46.050.000đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 5.950.382 đồng, tiền lãi quá hạn là 996.121đồng, tiền lãi chậm trả là 300.498đồng, tổng cộng là 53.297.001đồng (tạm tính đến ngày 28/7/2020). Do anh T, chị V đã vi phạm hợp đồng, gây thiệt thòi quyền lợi cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu anh T, chị V có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên là có cơ sở. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của Ngân hàng anh T tự nguyện cho anh chị thời gian trả vào ngày 30/10/2020 được Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời yêu cầu anh T, chị V trả lãi phát sinh theo hợp đồng và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán nợ xong. Nếu anh T, chị V không thực hiện trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật được chấp nhận.

[4] Tài sản đảm bảo là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, diện tích 203,4m^2, (đất trồng cây lâu năm + đất ở), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05665 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho anh Trần Anh T đứng tên, đất tại ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1708700495 ngày 29/3/2017, được công chứng tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Tiền Giang ngày 29/3/2017. Do đó, việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp anh T, chị V không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ được xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của anh T tại phiên tòa đồng ý trả số tiền nợ gồm vốn, lãi là 53.279.001đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, anh đang nuôi chị Vbị bệnh và nuôi con học năm thứ 4 đại học, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.600.000 đồng đến khi trả hết số nợ. Tại đơn xin cứu xét ngày 02/5/2020, chị V xin Ngân hàng cho gia hạn nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Việc xin trả dần của anh T, gia hạn nợ của chị V là nhằm mục đích kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho Ngân hàng và không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T, chị V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 318, 320, 322, 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng các 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.**

Buộc anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc: 46.050.000đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 5.950.382đồng, tiền lãi quá hạn 996.121đồng, tiền lãi chậm trả là 300.498đồng, tổng cộng là 53.297.001 đồng *(Năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn không trăm lẻ một đồng).* Thời gian trả vào ngày 30/10/2020.

Trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số: LD1708700495 ngày 28/3/2017.

***** Kể từ khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án , nếu anh Tuấn, chị Vân không thực hiện trả tiền như trên thi tài sản thế chấp cho Ngân hàng gồm: Thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, diện tích 203,4m^2, đất trồng cây lâu năm + đất ở, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05665 do Uỷ ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho anh T đứng tên, đất tại ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1708700495 ngày 29/3/2017 giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây phát mãi đảm bảo thi hành án.

* **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị Thu V cùng phải chịu số tiền 2.664.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.357.022 đồng theo biên lai số 0016495 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, riêng chị V kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống tống hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS H.Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.